

ĐƯỜNG VÀO THẾ KỶ 21

Hiện nay không ai lại không hoan nghênh sự tiến bộ phi thường của khoa học kỹ thuật. Con người đã và đang hưởng lợi ích từ các thành công phi thường của khoa học kỹ thuật. Nền khoa học kỹ thuật hiện đại nói chung đang trên đà phát triển tốt đỉnh bằng đôi hia thần vạn dặm với hàng chuỗi phát minh kỳ diệu trong mọi lãnh vực y tế, nông nghiệp, giao thông, năng lượng, kỹ thuật, thông tin... Nền khoa học cực kỳ biến ảo ấy thực sự đã và đang mang lại cho toàn thể nhân loại những ích lợi thực tiễn vĩ đại và tiện nghi tuyệt vời - ngoài sức tưởng tượng - đã biến cải sâu xa nếp sống vật chất, càng ngày càng phồn hoa, hưng thịnh của hầu hết các sắc dân trên trái đất.

Báo chí Mỹ đã liệt kê trong năm 2007, khoa học đạt được một trăm sự khám phá hàng đầu, trong đó có những tin tức rất quan trọng về con người nhất là về bệnh tật và chữa bệnh bằng “gen” thay vì bằng thuốc men hay bằng phóng xạ như quan tuyến X.

Nhưng thực tế cho thấy ở khắp nơi và trong bất cứ xã hội nào - giàu lẫn nghèo, trong các nước chưa phát triển lẫn các nước tân tiến, con người không tránh khỏi nỗi khổ nội tâm, đau khổ tâm lý và cảm xúc - ngay cả người có vật chất và tiện nghi đầy đủ. Tuổi thọ có gia tăng, thuốc men đủ loại, nhưng bệnh tật không giảm. Trong các nước chưa phát triển hoặc đệ tam thế giới các thứ bệnh hoạn bộc phát do thiếu dinh dưỡng, thiếu điều kiện vệ sinh. Ngược lại, ở các nước phát triển lại có các bệnh khác thể hiện theo cách riêng phù hợp theo sinh thái : bệnh chứng lo lắng, mất quân bình, ần ức, áp lực, bất định, căng thẳng v. v... con người vẫn lo âu sợ hãi về bệnh tật. Tù thuốc gia đình đầy ắp đủ loại : thuốc an thần, thuốc ngủ, thuốc áp huyết cao, thuốc trợ tim

...

Có thể nói người nghèo có cái lo sợ của người nghèo, người giàu có cái lo sợ của người giàu, thương gia có cái lo sợ của thương gia, thầy tu có cái lo sợ của thầy tu, bác sĩ, chính trị gia, cũng có cái lo sợ riêng của họ v.v... Tóm lại, tất cả mọi người đều có cái lo sợ của riêng mình. Ngoài xã hội, tội ác, bạo động, khủng bố, tệ nạn xã hội như lừa đảo, bội tín, cướp của giết người mãi dâm, băng đảng v. v...càng ngày càng gia tăng. Ngoài hai cuộc thế chiến, chiến tranh cục bộ xảy ra triền miên khắp nơi. Khoa học kỹ thuật phát triển vượt bực đem lại cho loài người khá nhiều lợi lộc vật chất, tiện nghi, nhưng tai hại của nó cũng lớn lao không kém trong việc phá hoại và ô nhiễm môi sinh. Thảm thực vật bị phá hủy khiến cho trái đất đang nóng lên, hậu quả không thể lường trước được. Những thứ bệnh có thể gây tổn thương đến yếu tố di truyền và hoàn toàn suy kiệt sinh lực bởi các hóa chất kỹ nghệ, bởi ô nhiễm môi sinh.

Hiện nay khắp nơi đều nói đến tự do dân chủ nhưng chỉ có hình thức, thực chất là giam giữ con người trong nô lệ của vật chất, ý hệ và tôn giáo. Khối cộng sản hô hào tự do dân chủ nhưng thực chất là độc tài đảng trị phục vụ cho đảng. Khối tư bản ca ngợi tự do dân chủ nhưng thực chất là nô lệ hóa con người một cách tinh vi, nếu không muốn nói là siêu cộng sản. Họ chủ trương hòa bình, nhưng đua nhau sản xuất đủ loại vũ khí tối tân, có khả năng tiêu diệt nhân loại trong nháy mắt, thực chất là dùng bạo lực giành giựt nhau từ thể xác đến linh hồn. Họ hô hào tình thương, bác ái nhưng thực chất là hận thù, đối nghịch. Họ cổ xúy bình đẳng nhưng thực chất là cá lớn nuốt cá bé, mạnh được yếu thua. Họ ca tụng nhân quyền nhưng thực chất là dã man cuồng loạn, dùng nhân quyền can thiệp vào nội bộ các nước ; thân phận con người thật sự chỉ còn là khổ đau giữa những chiêu bài vô cùng cao đẹp.

Họ ca ngợi tự do tín ngưỡng, nhưng thực chất là để xâm phạm tự do tín ngưỡng của người khác, để truyền rao giáo hệ, thu thập tín đồ, thỏa mãn tự ái tín ngưỡng⁽¹⁾. Họ đề cao kinh tế thị trường với chiêu bài phục vụ đại chúng, nhưng thực chất là dùng kinh tế với xu hướng toàn cầu hóa để nô lệ hóa các nước chưa phát triển, thao túng thị trường thế giới, lũng đoạn các nước đối nghịch.

Hơn bao giờ hết, con người đề cao hư danh hơn là sự thật, hình thức hơn là nội dung, đề cao lý tưởng hơn là thực tế⁽²⁾. Nếu suy nghĩ tận tường, chúng ta thấy nguyên nhân sâu xa của những tệ trạng nói trên trỗi dậy từ hai nguồn chính : chính trị kinh tế và tôn giáo. Mặc dù đã có biến đổi vĩ đại vượt bậc bên ngoài - vật chất đầy đủ, tiện nghi tuyệt vời, kiên thức sâu rộng - nhưng bên trong, nội tâm, thì luôn luôn rập theo một khuôn mẫu trước sau như một, hầu như không thay đổi gì cả. Con người vẫn đầy dục vọng, tham lam, ích kỷ, ganh tỵ, giành giật, vẫn cấu xé nhau một cách tàn bạo nhằm gia tăng địa vị, uy tín cá nhân, phe nhóm, khiến cho tính chất hồn nhiên trong sáng của tình thương bị biến chất.

Tình thương chính là sinh mạng của con người. Thiếu tình thương con người đọa lạc vào hướng đi, chỉ biết trục lợi, ích kỷ của cá nhân chủ nghĩa, tạo nên những mâu thuẫn, xung đột trong đời sống của con người. Cũng không thể quan niệm con người ngoài tình thương. Các thánh nhân sáng lập các tôn giáo lớn như Thích Ca, Chúa Giê-su, Khổng Khâu, tuy cơ sở giáo lý, triết lý có khác nhau, nhưng tất cả đều gặp nhau ở một điểm căn bản không thể thiếu được coi như yếu tố quyết định: đó là tình thương. Đức Phật kêu gọi từ bi, Đức Chúa hô hào bác ái, Đức Khổng đặt tất cả nền tảng căn bản của đạo Nho ở chữ nhân. Tuy nghĩa có sâu nông, rộng hẹp khác nhau, nhưng từ bi, bác ái hay đạo nhân đều là những danh xưng sai khác của tình thương. Tình thương không chấp nhận mổ xẻ⁽³⁾, phân tích, không cần biện minh bằng giáo lý hay triết học hoặc một khuôn mẫu đạo đức. Cho nên điều cần thiết và cấp bách là phải khám phá một phương thức mới để “tái thiết con người trên tình thương đúng bản vị đích thực của nó”⁽⁴⁾ mà không cần tìm cầu đến tín ngưỡng tôn giáo, ý thức hệ hay một hệ thống triết học.

Trong hơn 50 năm - từ 1929 đến ngày qua đời (1986) - ông KRISHNAMURTI đi khắp nơi trên thế giới, kêu gọi thực hiện cuộc chuyển hóa tâm thức để thoát khỏi lối sống và tư duy đang tù túng vì tình trạng bị điều kiện hóa hàng ngàn năm nay và những xung đột, phân ly nội tâm, xã hội, dân tộc, chủng tộc, tôn giáo.

Ông khẳng định chỉ có cuộc chuyển hóa tâm thức mới giải quyết được tận gốc những nghịch lý, mâu thuẫn, xung đột ở nội tâm, trong gia đình, ngoài xã hội.

Nếu chúng ta không thấu hiểu toàn bộ bản thể con người trong chỗ phức tạp của nó để giải quyết toàn triệt vấn đề của đời sống con người thì những cuộc cải cách hay cách mạng xã hội chỉ lại sẽ sinh ra những mâu thuẫn khác ; và rồi cứ thế vô cùng tận, vì các cuộc cách mạng xã hội, kinh tế, chính trị, ngay cả khoa học kỹ thuật cũng không thể giải quyết được toàn triệt những mâu thuẫn, xung đột của đời sống con người vì chính con người mới là yếu tố quyết định. Ngày 21 tháng 7 năm 1999, bảy ngàn khách hành hương từ khắp nơi trên thế giới đổ về Vatican, tại hội trường Phaolô VI để lắng nghe Đức Giáo Hoàng công bố tân giáo lý, tân tín điều : "Trong toàn bộ vấn đề của cứu độ, chúng ta biết rằng Thiên Đường hay là nguồn hạnh phúc,

trong đó chúng ta sẽ tìm thấy chính chúng ta, nó không phải là một nơi chốn trừu tượng hay cụ thể trên các tầng mây ...".

Sáu ngày sau, ngày 27/7/1999 cũng tại hội trường Phao-lô VI trước 8000 khách hành hương, Ngài công bố tiếp theo về Hỏa Ngục: "Thiên Chúa không kết án và trừng phạt ai. Ngài định nghĩa : Hỏa Ngục là hậu quả của tội và con người tự đặt mình vào tình trạng chia lìa cách biệt với Thiên Chúa". Ngài diễn giảng rằng Hỏa Ngục cũng không phải là một nơi chốn vật lý, một khoảng không gian trong vũ trụ.

Tóm lại, kể từ ngày 21 tháng 7 năm 1999, Đức Giáo Hoàng đương kim John Paul II công bố Thiên Đường hay Hỏa Ngục không phải là một nơi chốn không gian vật lý ngoài con người. Thiên Đường tại tâm, Hỏa Ngục tại tâm.

Như vậy tất cả qui về người, rồi từ người mà thành mọi sự mọi việc. Thiện hay Ác, Thiên Đường hay Hỏa Ngục, tình thương hay hận thù, chiến tranh hay hòa bình đều do con người tự quyết định và tạo lập lấy. Phải chăng con đường sống an vui thanh bình của nhân loại là nhân đạo. Chỉ có con người với tình thương và trí tuệ cùng đôi bàn tay xây dựng của nó mới giải quyết được những vấn nạn của con người, chứ không ai khác.

Hơn 2500 năm trước, Đức Phật đã dạy : "Phật tại tâm" và người là nơi nương tựa của chính mình. Còn ai khác nữa có thể làm nơi nương tựa ; và đời sống con người vui tươi hay đau khổ đều do con người tự quyết định và tạo lập lấy.

Kinh Duy Ma Cát ở Phẩm Phật Quốc: "Muốn được cõi Phật thanh tịnh, hãy giữ tâm thanh tịnh. Tùy tâm thanh tịnh mà cõi Phật được thanh tịnh. Nếu tâm thanh tịnh thì chính chỗ ở hiện thời là tịnh độ".

Bồ Đề Đạt Ma dạy: Tâm là Phật và Phật chính là tâm. Không có Phật ngoài tâm. Cõi giác ngộ và Niết Bàn là những sự vật ở ngoài tâm là một điều sai lầm. Không có giác ngộ ở ngoài tâm linh động. Không có chỗ nào gọi là nơi chốn của những người đến Niết Bàn. Sự an nghỉ của tâm chính là Niết Bàn. Tưởng tượng Phật ở ngoài tâm hay hình dung Phật ở bên ngoài là mê sáng.

Trong quyển Đạo Lý cho Thiên Niên Kỷ Mới (Ethics for The New Millennium) một trong những quyển sách bán chạy nhất trong 49 tuần (1999), Đức Đạt Lai Lạt Ma, trong chương 16, Lời Kêu Gọi đã viết: Chúng ta có thể ném bỏ hết tất cả các thứ khác: tôn giáo, lý tưởng, tất cả tri thức thọ nhận. Nhưng chúng ta không thể tránh khỏi sự **cần thiết của tình thương và tâm từ bi**. Như thế, điều đó chính là tôn giáo thật sự của tôi, đức tin đơn thuần của tôi. Trong ý nghĩa đó không cần đến chùa chiền hoặc giáo đường, điện thờ hay tòa thánh, cũng không cần các triết lý, giáo lý hoặc chủ thuyết phức tạp. Tự tâm ta, tự thức ta, chính là đền thờ. **Chủ thuyết là từ bi**. Tình thương đối với tha nhân và tôn kính đối với quyền lợi và phẩm cách của họ, cho dù họ là ai và làm gì. Khi thực hành các điều trên trong đời sống hàng ngày, rồi thì, bất kể ta thọ học hoặc vô học, bất kể ta tin nơi Đức Phật hoặc Thượng Đế hoặc tin theo một tôn giáo nào khác hoặc không tin gì cả, **một khi ta có tâm từ bi cùng tha nhân** và hành xử với sự giới chế phát xuất từ cảm thức trách nhiệm, không toàn phải nghi ngờ gì nữa về hạnh phúc của chúng ta (Dalai Lama, Ethics for The New Millennium, trg 234, A member of Penguin Putnam Inc New York 1999).

- Chương một, xã hội tân tiến và truy tìm hạnh phúc cho loài người, Ngài viết : các vấn đề chúng ta - như là chiến tranh, tội ác và bạo động - và các vấn đề chúng ta có kinh nghiệm nội tâm - các đau khổ tình cảm và tâm lý - không thể giải quyết được trừ phi nói lên sự lãng quên tiềm ẩn đó. Chính vì vậy mà những biến chuyển lớn trong vòng một trăm năm trở lại và hơn nữa - dân chủ, tự do, xã hội chủ nghĩa - tất cả đều thất bại... Cần phải có một cuộc cách mạng, chắc chắn là thế. Nhưng không phải cách mạng chính trị, kinh tế hoặc ngay cả kỹ thuật. Chúng ta đã có quá đủ kinh nghiệm của các thứ trên trong thế kỷ qua để hiểu biết rằng, một khuynh hướng ngoại diện không thể nào đầy đủ. Điều tôi đề xướng là một **cuộc chuyển hóa tâm linh** (sđd, trg 16,17).

- Chương hai, không phép lạ, không bí mật, Ngài viết : một người có đức tin tôn giáo hay không cũng không quan trọng cho lắm. Điều quan trọng hơn nữa chính là họ phải là người thiện lành (sđd, trg 19) cho nên tôi quan tâm đến việc cố gắng **tim ra một con đường phục vụ toàn nhân loại mà không cần kêu cầu đến tín ngưỡng** (sđd, trg 20).

Chúa đã dạy: “nước trời trong lòng các ngươi”; và Đức Giáo Hoàng John Paul II đã công bố tân giáo lý, tân tín điều vào ngày 21, tháng 7 và sáu ngày sau, ngày 27, tháng 7, nam 1999 tại hội trường Phaolo IV như đã trình bày ở phần trên và Ngài giảng giải rằng Thiên Đàng hay Hỏa Ngục không phải là một nơi chốn không gian vật lý ngoài con người. **Thiên Đàng tại tâm, Hỏa Ngục tại tâm.**

Phật đã dạy rằng “Phật tại tâm”, và người là nơi nương tựa của chính mình, tự thấp xuống lên mà đi.

Như vậy, chúng ta không thể tìm Chúa, Nước Trời, Phật, Niết Bàn ở **bên ngoài con người** hoặc trong kinh điển hay qua lời thuyết giảng.

Lấy lòng mình (tâm mình) làm tâm điểm cho việc chuyển hóa tâm thức, tự biết mình, tự thấu hiểu bản chất thật sự của mình thì hạt giống tình thương uyên nguyên nảy nở phát triển hồn nhiên trong sáng, giác ngộ trong cái tâm của mình, hiệp thông với Chúa ở nơi tâm mình.

Như vậy, những nhà lãnh đạo của tôn giáo tổ chức **đâu cần phải quên sứ mạng của mình** là đem lại yêu thương, hạnh phúc, bình đẳng, thái hòa cho nhân loại để rẽ vào con đường bành trướng giáo quyền, kinh doanh tài sản, truyền rao giáo hệ, thỏa mãn tự ái tín ngưỡng vận dụng đủ mọi cách, tán tỉnh, dụ dỗ, hứa hẹn, hù dọa gây chia rẽ để thu thập tín đồ, **gành giựt nhau từ thế xác đến linh hồn.**

Nếu không vì tham vọng cá nhân hay phe nhóm, người ta đâu còn lý do nào để chỉ trích nhau giữa các tôn giáo. Chọn một tôn giáo này hay tôn giáo khác là tùy tâm tính, căn cơ của mỗi người, hay tùy môi trường sống. Không có tôn giáo nào hay hơn hay cao hơn tôn giáo khác. Chỉ có thích hợp hay không thích hợp với mỗi người, thế thôi.

Lòng người, cái tâm là cái hòa đồng tất cả, là nơi gặp gỡ của tất cả những ai, ở mọi nơi, mọi thời đại tự ý thức thực hiện cuộc chuyển hóa tâm thức, theo chiều kích tâm linh phát triển tình thương và trí tuệ.

Phải chăng vì thế mà Emile Durkheim, nhà xã hội học Pháp trong cuốn “The Elementary Forms of The Religion Life” (bản dịch Anh ngữ 1965, bản chính 1912) đã tiên đoán sự tàn lụi của tôn giáo trong tương lai: tôn giáo sẽ **được thay thế bởi ý thức hệ dân tộc** vì không những nó có các yếu tính hợp nhất thu hút của tôn giáo mà lại còn là một hệ thống tín ngưỡng đi trực tiếp vào tâm hồn người dân, không cần qua trung gian một tôn giáo nào⁽⁵⁾.

Đạo Phật cũng sẽ tàn lụi như những tôn giáo khác, những “Phật Đạo” – *vô thường, duyên khởi, vô ngã* – vẫn tồn tại vì đó là những nguyên lý vận hành của vạn vật muôn loài, có Đức Phật hay không có, những nguyên lý đó vẫn hiện hữu trong vũ trụ.

Thử nhìn ngắm về những xã hội Tây Phương, các em bé lên ba, lên năm, đã học về Thiên Đàng, về sự chết. Những bé từ tuổi thơ đã vắc thập giá mà đi. Phần tâm linh **lý ra** được mở, các em, cho đến già, đến chết, làm sao dám hỏi **Thượng Đế là gì**.

Thử nhìn ngắm về những xã hội Đông Phương, phần lớn, họ vắc Phật trên vai, vắc đến già, đến chết, và tội thay, cho đến ngày họ chết, **họ chưa biết Phật là ai**.

Tôn giáo, thật sự đã làm thiêu chột sinh lực con người, đã tập con người làm nô lệ. Nô lệ cho Thượng Đế hay nô lệ cho một tên nô lệ, tinh thần nô lệ không khác. Chỉ khi nào con người thật sự thênh thang trong mọi kích thước, chỉ khi nào con người có thể ý thức được thể mệnh và tính mệnh của chính mình, con người mới đúng ý nghĩa là người đích thực. Nhưng tôn giáo đã là một cái ách vô hình làm sao con người tháo gỡ được; và qua tôn giáo có một số người đã tìm được bình an. Có thể họ sống trong bình an giả tạo, nhưng dù là giả tạo, còn hơn không bờ bến (*để cho những người thiếu tự chủ và tự tin*) nương tựa. (Đặng Thanh Tùng, Tinh Hoa Tư Tưởng Việt, 1997, Trang 114-115).

Tôn giáo tổ chức rồi sẽ tàn lụi như nhà xã hội học Pháp tiên đoán. Nhưng còn rất lâu, **thật lâu** cho đến khi **Con Người** tự ý thức “**chỉ nghe theo lời Chúa và Phật dạy**”, xoay trở lại lòng mình, thực hiện cuộc chuyển hóa tâm thức theo chiều kích tâm linh phát triển tình thương và trí tuệ thì mới **thoát ra khỏi chủ trương nô lệ hóa con người** của các nhà lãnh đạo tôn giáo tổ chức.

Thực tế cho thấy không có một tôn giáo nào có thể thỏa mãn được cho tất cả mọi người, cho toàn thể nhân loại. Nhưng tất cả đều có tổ tiên, ông bà, cha mẹ. Phải chăng tục thờ cúng ông bà phù hợp với nhu cầu đời sống tinh thần của người Việt nói riêng và nhân loại nói chung trong hiện tại cũng như trong tương lai trong nền văn minh Nhân Bản chan chứa tính người và tình người, lấy con người làm gốc:

*Tu đâu cho bằng tu nhà,
Thờ cha kính mẹ chính là chân tu*

Trên quê hương Việt Nam, các tổ chức giáo hội của các tôn giáo đã vô hình chung làm phân rẽ tinh thần Việt tộc. Tại sao?

Phải chăng chỉ vì mọi điều tốt đẹp (tình thương, vị tha ...) của Chúa, Phật, Thượng Đế, Brahma đều bị người ta lợi dụng với ý đồ riêng, biến các tôn giáo thành những ốc đảo riêng rẽ,

đổi nghịch trong lòng dân tộc? Thực trạng đau lòng đó rõ ràng đến độ không thể phủ nhận. Vì vậy, phương cách hợp tình, hợp lý là người Việt Ki-Tô Giáo, Phật Giáo, Cao Đài, Hòa Hảo, Tin Lành, Hồi Giáo... hãy mạnh dạn phá bỏ ốc đảo của mình, thực sự thể hiện tinh thần công bằng bác ái, từ bi hỉ xả trong lời nói, ý nghĩ và việc làm để thích nghi với tinh thần Việt tộc: cởi mở, bao dung, vị tha, khoan hòa ... người trong một nước phải thương nhau cùng, trong tinh thần hòa cả làng, coi nhau như bắc nước đây là hơn.

Trong lãnh vực tôn giáo không nên thuyết phục người khác phải tin theo điều mình tin mà thể hiện điều mình tin qua lời nói ý nghĩ và việc làm của mình:

*Trống làng nào làng ấy đánh,
Thánh làng nào làng ấy thờ.*

Nếu lấy lòng mình làm trọng điểm cho việc chuyển hóa tâm thức và con đường phục vụ cho toàn thể nhân loại là con đường không kêu cầu đến tín ngưỡng tôn giáo, ý thức hệ hay một hệ thống triết học, là người Việt, chúng ta trở về nguồn là con đường hợp lý, hợp tình và hợp đạo.

Người trưởng thành không thể sống thiếu ý thức về mình và sự tương quan giữa mình và người, mọi vật cùng thiên nhiên. Sự hiểu biết thật sự chỉ đến khi người ta tự biết mình vì ngọn đèn được tỏ, trước khêu bởi mình.

Sở dĩ con người bị vong thân, hành động sai quấy vì họ không biết rõ về mình, sống hời hợt, quây cuồng trong vật chất và siêu hình, dựa trên những giá trị có tính cách giả tạo, những giá trị do tập đoàn xã hội tạo ra xuất phát từ dục vọng, chứ không phải do công phu quan sát về chính mình, về sự tương quan giữa mình và người, giữa mình và mọi vật cùng thiên nhiên.

Ông cha ta đã huyền thoại hóa chủ trương thực hiện cuộc cách mạng bản thân, cuộc chuyển hóa tâm thức để thặng hoa con người, như Tiên (người thặng hoa) và Rồng (rắn thặng hoa) với biểu tượng thần tổ kép Tiên Rồng.

Trong các thông điệp - chuyện con Rồng cháu Tiên, Gậy Thần Sách Ước, Bánh Dầy Bánh Chung - ông cha ta đã vạch cho con cháu con đường sống an vui trong thanh bình thịnh vượng mà không cần kêu cầu đến đức tin tôn giáo hay siêu hình hoặc một hệ thống triết học hay một ý thức hệ: Nhân Đạo.

Con đường sống đó (Nhân Đạo) **lấy con người toàn diện làm trung tâm cho mọi sinh hoạt và tư duy, chứ không phải Thượng Đế hay thần linh hoặc vật chất hay tinh thần.** Tất cả qui về người rồi từ người mà thành mọi việc, mọi sự. Chiến tranh hay hòa bình, hận thù hay tình thương, hạnh phúc hay đau khổ, thiên đường hay địa ngục, thiện hay ác đều do con người tự quyết định và tạo lập lấy.

Sự kiện ông cha ta biết thần hóa Âu Cơ và Lạc Long Quân thành cha mẹ chung của dân tộc với biểu tượng thần tổ kép Tiên Rồng để tôn thờ, nhắc nhở và tục thờ cùng tổ tiên đã đặt con cháu vào đầu đường nhân bản nhân chủ. Người thờ người, thờ nhân tính thì còn gì nhân bản hơn.

Trong các nền văn hóa khác, con người là sản phẩm của thần linh (văn hóa La Hy - Ấn Độ) hoặc con người được Thượng Đế nặn ra từ đất (văn hóa Babylon) hay chí rận trên mình Ông Bàn Cổ trở thành người (văn hóa Trung Hoa, văn hóa người Dao); và con người được tạo ra để phục vụ thần linh hay nhóm quý tộc thống trị.

Trái lại, trong nền văn hóa nông nghiệp trồng lúa nước Việt, con người được sinh ra từ con người, được huyền thoại hóa qua hình ảnh cuộc hôn nhân giữa mẹ Tiên Âu Cơ và cha Rồng Lạc Long:

*Người ta nguồn gốc từ đâu,
Cha sinh, mẹ dưỡng chớ hầu lãng quên.*

Quan niệm hạnh phúc của con người là trọng tâm của cuộc sống đã được huyền thoại hóa với hình ảnh Lạc Long Quân giết Hồ tinh, Ngư tinh và Mộc tinh để người dân thoát khỏi cảnh khổ ải lầm than, sống yên vui thanh bình. Đó là hình ảnh nói lên quan niệm sống coi sứ mệnh con người trong xã hội là phục vụ người, vì người, giúp đỡ lẫn nhau trong tinh thần tương thân, tương trợ, tương ái.

Tinh thần nhân chủ - đầu đội trời chân đạp đất – được huyền thoại hóa qua hình ảnh Thánh Tản Viên - một con người hiếu nghĩa thiện lành - vận dụng gậy thần (=luật tắc thiên nhiên) để phục vụ nhân sinh, với một tình thương vô phân biệt (đến con rắn cũng cứu giúp) với một tâm lòng trong sáng không bị điều kiện hóa (qua biểu tượng quyển sách ước không có chữ); và hình ảnh Lạc Long Quân giết Hồ Tinh, Mộc Tinh và Ngư Tinh để cứu dân nhằm đem lại sự yên vui thanh bình cho con người.

Hình ảnh đó cũng nói lên quan niệm chỉ có con người với trí tuệ và tình thương⁽⁶⁾ cùng đôi bàn tay xây dựng của nó mới giải quyết những vấn đề rắc rối của con người chứ không ai khác hơn.

Trong nếp sống tương nhượng quân cư hài hòa trong xóm làng (hòa cả làng). Hòa là chủ đạo cho mọi liên hệ ứng xử. Nhân và Trí là định hướng cho mọi hành động. Tâm linh, tín ngưỡng cũng không đi ra ngoài CON NGƯỜI.

Thần tổ kép Tiên Rồng của dân Việt là biểu tượng Thăng Hoa theo chiều kích Nhân và Trí.

Tiên Âu Cơ sống trên núi (non NHÂN) Rồng Lạc Long sống dưới biển (nước TRÍ).

Trí tuệ và nhân ái, như đã đề cập ở phân trên, là định hướng của dân tộc Việt, trong mọi ý nghĩa và hành động. Biểu tượng mẹ Âu Cơ và cha Lạc Long chính là biểu hiện rứt rứt của Nhân ái và Trí tuệ để con cháu noi theo⁽⁷⁾.

Nền văn hóa trồng lúa nước là một thế nghiệm sống của sự hòa điệu giữa TRỜI – NGƯỜI – ĐẤT, trong đó sức cân lao cũng như trí thức thực nghiệm của CON NGƯỜI được ứng dụng và điều hợp một cách sáng tạo cho hòa nhịp và khế hợp với **thời tiết** (TRỜI) và **đất đai** để cho lúa được tốt tươi. Mọi liên hệ giữa TRỜI – NGƯỜI – ĐẤT thật gần gũi, đồng cảm và đồng đẳng.

Có lẽ không ai lột tả được quan niệm TRỜI – NGƯỜI – ĐẤT biểu tượng tinh thần Nhân Chu (đầu đội trời chân đạp đất) của nền văn hóa nông nghiệp trồng lúa nước bằng bài thơ của vị Nho sĩ Càn Vương Trần Cao Vân:

*Trời Đất sinh Ta có ý không?
Chưa sinh Trời Đất có Ta trong
Ta cùng Trời Đất ba ngôi sánh
Trời Đất in Ta một chữ đồng
Đất nứt Ta ra Trời chuyển động
Ta thay Trời mở Đất mênh mông
Trời che Đất chở Ta thông thả
Trời Đất Ta đầy đủ hóa công⁽⁸⁾*

Tóm lại để hóa giải bế tắc (tư tưởng), khủng hoảng (tâm thức) và những mâu thuẫn khốc liệt của thời đại về chính trị, kinh tế, ý thức hệ, **tôn giáo**... đang hội tụ trên quê hương:

Người Việt phải ý thức tầm quan trọng của cuộc chuyển hóa tâm thức mà khởi điểm là trở về với chính mình (trăm hay xoay vào lòng, vì ngọn đèn được tỏ trước khêu bởi mình) với nếp sống tinh thức qua quá trình học ăn, học nói, học gói, học mở (giáo dục nhân bản tâm linh) nhằm hóa giải mọi tâm lý nô lệ ý thức hệ và tư tưởng ngoại nhập đã và đang quy định những hành vi và suy tư của mình. Nói cách khác, đã đến lúc người Việt tự phát động một cuộc chuyển hóa triết đề trong tâm thức, một cuộc chuyển hóa thật sự về toàn bộ cơ cấu tâm lý con người.

Đã đến lúc người Việt nhận thức rõ ràng những lớp sơn văn hóa ngoại nhập (Trung Hoa, Ấn Độ, Tây Phương, Bắc Mỹ) đã và đang bao phủ cốt lõi đạo sống Việt, nhiều loạn tinh hoa tư tưởng Việt để chúng ta không còn ngộ nhận văn hóa Việt là bản sao của văn hóa Trung Hoa hoặc tư tưởng Việt chỉ là những tư tưởng tổng hợp của Trung Hoa, Ấn Độ và Tây Phương.

Đã đến lúc người Việt Nam trở về dòng sống của dân tộc, không theo Tây – Mỹ - An Độ..., không làm tay sai cho Nga - Tàu..., không cam tâm làm nô lệ tư tưởng cho bất cứ ai mà chỉ quyết tâm học hỏi những kinh nghiệm sống của tổ tiên, trên nền tảng của tinh thần khai phóng và dung hóa tất cả tư tưởng Đông – Tây – Kim - Cổ đã và đang hội tụ trên đất nước Việt Nam. Lấy cốt lõi tư tưởng Việt làm căn bản để tiếp tục tiếp thu tinh hoa của nhân loại có chọn lọc ngõ hầu thực hiện cuộc cách mạng tâm linh để thăng hoa cuộc sống và con người với định hướng, *BIÊN - Hóa - Thăng hoa - Hòa cùng vũ trụ.*

Đã đến lúc người Việt bước vào tiến trình tự thăng những dục vọng thấp hèn, thói hư tật xấu, mặc cảm, tị hiềm, tham vọng cá nhân, tự ti mặc cảm... ân tàng trong tâm trí cũng như những định kiến, cố chấp đang làm vẩn đục tình người để nhân tính làm chủ tư duy và hành động của mình.

Đã đến lúc người Việt trở về nguồn. Trở về nguồn, không đồng nghĩa với hoài cổ hay trở về với những truyền thống lạc hậu, mà trở về với chính mình, trở về với dòng sống sinh động của dân tộc, nghĩa là trở về với bản sắc hiếu hòa với tinh thần nhân bản, nhân chủ và dân chủ, với nếp sống hài hòa: **hòa cả làng**, với đạo lý dân tộc: **“thương người như thể thương thân”**, lấy tinh nghĩa làm đầu: **“một bồ lý không bằng một tí cái tình”**. Triết lý sống hài hòa đó bắt nguồn từ sự cảm nhận Thiên Nhiên (Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất), thể hiện trong dòng sống chan chứa tính người và tình người, qua nếp sống tương nhượng quân cư hài hòa trong xóm làng từ thời cách mạng nông nghiệp trồng lúa nước ổn định lâu đời từ thời văn hóa Hòa Bình, được củng cố phát triển qua cát thời đại: Bắc Sơn, Phùng Nguyên, và Đông Sơn... Nó khác hẳn bản sắc hiếu chiến của Trung Hoa và Tây Phương bắt nguồn từ nền văn hóa du mục.

Đã đến lúc người Việt phục hoạt và phát huy cốt lõi Đạo Sống Việt - vẫn đang ẩn tàng trong huyết quản, trong tiềm thức của mỗi người dân Việt - làm tư tưởng chủ đạo cho cuộc sống và cuộc dung hóa những tư tưởng ngoại lai Đông - Tây - Kim - Cổ đang hội tụ trên quê hương hầu hóa giải những mâu thuẫn khốc liệt của thời đại để thực hiện con đường sống của dân tộc: **Nhân Đạo**. Đóng góp phần mình vào công cuộc xây dựng nền văn minh nhân bản cho nhân loại.

Đã đến lúc người Việt ý thức rằng con đường sống của dân tộc lấy con người toàn diện - **không “duy” gì cả** - làm trung tâm cho mọi tư duy và hành động, với nếp sống hài hòa, đặt nền tảng trên trí tuệ, tình thương và đôi bàn tay xây dựng của chính mình: “*có khó mới có miếng ăn, không dung ai để mang phân đến cho.*” trên tinh thần thượng tôn luật pháp.

Đã đến lúc người Việt cảm nghiệm rằng chỉ khi nào cuộc dung hóa tư tưởng thành công - **thống nhất trí thức và tâm thức** - thì tư tưởng mới ổn định. Tư tưởng ổn định vốn là nền tảng vững chắc và lâu dài để kiến thiết toàn bộ sinh mệnh con người, xây dựng gia đình và cải tạo toàn triệt xã hội. Chỉ khi nào chúng ta thực hiện được cuộc dung hóa những tư tưởng ngoại lai đang hội tụ trên quê hương, đồng thời vận dụng sâu rộng vào đời sống của mọi tầng lớp dân chúng thì mới xây dựng được một nền văn hóa **dân tộc nhân bản, khai phóng**, một thể chế tự do dân chủ đích thực (vượt lên tự do dân chủ **cộng sản** và tự do dân chủ **tư bản** hiện nay để xây dựng nền văn minh nhân bản), một nền kinh tế phục vụ đại chúng và một hệ thống giáo dục đào tạo con người toàn diện để dân Việt thực sự bước vào con đường sống của dân tộc (=Nhân Đạo); đó cũng là hướng đi tất yếu của nhân loại trong những thập niên tới mà tổ tiên chúng ta đã vạch ra con đường sống đó trong các thông điệp ẩn tàng trong huyền thoại, truyền thuyết, ca dao và tục ngữ.

Đã đến lúc người Việt ý thức rằng dân tộc mình chỉ có thể vượt lên ngang tầm với thời đại về khoa học kỹ thuật và vật chất khi đặt cơ sở phát triển đất nước trên nền tảng của bản sắc dân tộc trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay.

Dân tộc nào để cho văn hóa ngoại lai ngự trị thì không thể có độc lập thật sự vì **văn hóa là linh hồn của một dân tộc** (Nguyen An Ninh).

Như vậy, trong mặt trận văn hóa với xu thế toàn cầu hóa, chúng ta phải có một sách lược lâu dài, bền vững toàn diện, với những chiến lược, chiến thuật linh hoạt, thích nghi với mọi tình huống, không có bạn, thù vĩnh viễn, trong bang giao quốc tế, không vì cùng chung một **ý thức hệ**, cùng một **chủng tộc**, hoặc cùng một **tôn giáo**, mà khiến cho quyền lợi của dân tộc bị thiệt hại.

Vị trí nước Việt Nam nằm ở ngã tư quốc tế, nếu không sáng suốt không linh động uyển chuyển tùy thời, chúng ta sẽ có thể thành công trong việc chống âm mưu xâm lăng của tộc Hán như trong quá khứ, nhưng lại bị Đài Loan hóa, hay Nhật hóa hoặc Mỹ hóa.

Đã đến lúc người Việt phải ý thức rằng dù cho chương trình, kế hoạch có hay đến đâu mà không có con người tốt, cán bộ tốt chắc chắn sẽ thất bại.

Tôi muốn cất tiếng kêu to. **Kêu thật to** để ai nấy cùng nghe. Tôi muốn có một giọng tha thiết. **Thực tha thiết** để ai nấy cùng cảm. Tôi muốn có những luận điệu đanh thép. **Thực đanh thép** để ai nấy cùng tin. **Nghe, cảm, tin** để cùng tôi đem một cái vinh quang chưa hề có trên quả địa cầu về cho dân tộc ta, dân tộc Việt (Hồ Hữu Tường).

Đã đến lúc người Việt Nam phải tự ý thức thực hiện cuộc **chuyển hóa tâm thức** (phát triển tâm linh) trên nền tảng của giáo lý mà mình đang theo, trở thành người “**thiện lành**”, phát triển tình thương và trí tuệ, thể hiện **đạo lý** của dân tộc: “thương người như thể thương thân” và **triết lý sống** thái hòa, qua nếp sống hài hòa (hòa cả làng), lấy **tình nghĩa** làm đầu (một bề cái lý, không

bằng một tí cái tình) trong tinh thần “công bằng là đạo người ta ở đời, phá vỡ những ốc đảo (gà què ăn quẩn cối xay) những định kiến (kiến bò miệng chén) về chính trị và tôn giáo, xem “đổi lập” là bổ sung, chấp nhận dị biệt (rằng trong lễ phải có người có ta) **thống nhất tri thức và tâm thức**, cùng nhau chung sống yên vui trong thanh bình thịnh vượng.

Tình thương hồn nhiên trong sáng – không mang bất cứ nhãn hiệu nào – sẽ hóa giải mọi mâu thuẫn, nghịch lý ở nội tâm, trong gia đình và ngoài xã hội:

1. Dân Tộc: **Người trong một nước phải thương nhau cùng.**

2. Nhân Loại: **Bầu ơi thương lấy bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn** (giàn dân tộc – gian nhân loại).

Ông cha ta thường nhắc nhở:

Thương nhau củ ấu cũng tròn (một trăm chỗ lệch cũng kê cho bằng)

Tình thương, trí tuệ, hài hòa và thượng tôn luật pháp là những yếu tố căn bản / nền tảng giải đáp nhu cầu tâm thức của con người trong thế toàn cầu hóa để xây dựng **nền văn minh nhân bản** mà loài người đang hướng tới.

Người Việt theo tục thờ cúng tổ tiên cũng cần phải tự ý thức thực hiện cuộc chuyển hóa tâm thức mà khởi điểm là trở về với chính mình (*trăm hay xoay vào lòng, vì ngọn đèn được tỏ trước khêu bởi mình*), **tự biết mình**, với nếp sống **tĩnh thức**, qua quá trình học ăn, học nói, học gói, học mở (truyền thống giáo dục nhân bản tâm linh) theo chiều kích tâm linh phát triển tình thương và trí tuệ với định hướng: BIẾN – Hóa – Thăng hoa – Hòa cùng vũ trụ.

Lời nói kinh điển, chữ nghĩa chỉ mô tả sự thực, chứ không phải là sự thực. Sống với sự thực hơn là nói suông, cho nên ông cha ta đã dạy:

*Trăm nghe không bằng một thấy,
Trăm thấy không bằng một lần trải qua.*

Vĩnh Như

Tủ Sách Việt Thường

www.tusachvietthuong.org

GHI CHÚ:

- (1) Phỏng theo ý kiến của sư Viên Minh ghi trong Thư Thầy Trò, Trang 86.
- (2) Sư Viên Minh, Sđd, Trang 80.
- (3) Tuyên Ngôn Con Người – Tủ Sách Nhân Chủ Xã Hội, 1969, Trang 40.
- (4) Tuyên Ngôn Con Người – Sđd, Trang 41.
- (5) Thường Nhược Thủy, Đạo Sống Việt, 2000, Trang 9.
- (6) Đạo lý của người Việt Nam là “**thương người như thể thương thân**”.

Thương nhau củ ấu cũng tròn.

Một trăm chỗ lệch cũng kê cho bằng.

*Nhiều điều phú lầy giá gương,
Người trong một nước phải thương nhau cùng.*

*May thay ở chốn bình yên,
Thấy người hoạn nạn **nỡ quên sao đành.***

Lá lành đùm lá rách.

*Thấy người hoạn nạn thì thương,
Thấy người đói khát thì **nhường miếng ăn.***

*Thương người **bớt miếng mà cho.***

Một miếng khi đói bằng một gói khi no.

*Thương người người lại thương ta,
Ghét người mình lại hóa ra ghét mình.*

Thương người như thể thương thân.

*Bầu ơi thương lấy bí cùng,
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn (giàn nhân loại).*

(7) Thường Nhược Thủy, Đạo Sống Việt, Tủ Sách Việt Thường, 2000, Trang 53-54.

(8) Thường Nhược Thủy, Sđd, Trang 34-35.